

Số: 03/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH
Về hoạt động viễn thám

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động viễn thám.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động viễn thám trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Viễn thám là lĩnh vực khoa học công nghệ cho phép nghiên cứu, thu thập các thông tin về các đối tượng địa lý mà không cần tiếp xúc trực tiếp với chúng.

2. Dữ liệu ảnh viễn thám là thông tin, hình ảnh đối tượng địa lý được thu nhận từ vệ tinh viễn thám.

3. Hoạt động viễn thám là các hoạt động có liên quan đến hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám.

4. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bao gồm các trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám.

5. Sản phẩm viễn thám bao gồm dữ liệu ảnh viễn thám, dữ liệu ảnh viễn thám thô, dữ liệu ảnh viễn thám thô đã được hiệu chỉnh bức xạ, hình học và các thông tin, dữ liệu chuyên đề được chiết xuất từ dữ liệu ảnh viễn thám.

6. Siêu dữ liệu viễn thám là các thông tin mô tả về dữ liệu, sản phẩm viễn thám bao gồm nội dung, nguồn gốc, chất lượng và các thông tin khác có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động viễn thám

1. Dữ liệu ảnh viễn thám, siêu dữ liệu, sản phẩm viễn thám phải được cập nhật thường xuyên, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, quốc phòng, an ninh.

2. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước là tài sản công, phải được kế thừa, sử dụng chung, được quản lý và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia phải được duy trì, vận hành và cập nhật thường xuyên để xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia và dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

4. Ngân sách trung ương bảo đảm cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về viễn thám; xây dựng và vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám.

5. Ngân sách địa phương bảo đảm cho Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Danh mục các hoạt động khoa học và công nghệ về viễn thám được ưu tiên

1. Nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện thể chế, pháp luật về viễn thám.

2. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong hoạt động viễn thám phục vụ điều tra cơ bản, quản lý, quan trắc và giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi

khí hậu, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường; tổ chức và quản lý lãnh thổ, quốc phòng, an ninh, chỉ đạo điều hành trong sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu cơ bản về trái đất.

Điều 6. Các ứng dụng dữ liệu ảnh viễn thám

Dữ liệu ảnh viễn thám được khai thác và sử dụng phục vụ các hoạt động sau:

1. Quan trắc, giám sát về ô nhiễm môi trường: đất, nước do chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp; không khí do khí phát thải công nghiệp và sinh hoạt; ô nhiễm môi trường do thiên tai, các khoáng chất tự nhiên độc hại phát tán vào môi trường, khai thác khoáng sản; kiểm kê khí nhà kính.
2. Công tác thu thập thông tin, dữ liệu, phân tích, điều tra, đánh giá, theo dõi diễn biến tài nguyên, môi trường định kỳ và đột xuất nhằm đưa ra các báo cáo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phòng, chống thiên tai; giám sát hạn hán, cảnh báo cháy rừng, diễn biến lũ lụt, cứu hộ cứu nạn và ứng phó với biến đổi khí hậu; hiện trạng sản xuất nông nghiệp.
3. Xây dựng, cập nhật bản đồ chuyên đề và cơ sở dữ liệu chuyên đề về hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, thực trạng biến đổi khí hậu; lập bản đồ địa chất các tỷ lệ.
4. Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia.
5. Phục vụ công tác quốc phòng, an ninh.

Chương II

HỆ THỐNG THU NHẬN DỮ LIỆU ẢNH VIỄN THÁM

Điều 7. Hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

Hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bao gồm vệ tinh viễn thám, công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám, hệ thống lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám và mạng lưới truyền dẫn dữ liệu ảnh viễn thám.

Điều 8. Vệ tinh viễn thám

1. Vệ tinh viễn thám là vệ tinh nhân tạo được trang bị các bộ cảm viễn thám nhằm thu thập thông tin về các đối tượng địa lý.
2. Việc xây dựng và phát triển vệ tinh viễn thám bằng ngân sách nhà nước nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý tài nguyên và môi trường, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu phải được thực hiện theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Cơ quan chủ quản vận hành vệ tinh viễn thám phải định kỳ hàng năm báo cáo các thông tin vận hành vệ tinh viễn thám, việc truyền tín hiệu vệ tinh viễn thám cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Việc báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Các vệ tinh viễn thám được xây dựng bằng nguồn ngân sách nhà nước phải có chế độ ưu tiên thời gian chụp để đảm bảo cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

Điều 9. Xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia thuộc phạm vi quản lý, tuân thủ theo Luật Đầu tư công và các văn bản quy định pháp luật về xây dựng hiện hành;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý, tuân thủ theo Luật Đầu tư công và các văn bản quy định pháp luật về xây dựng hiện hành.

2. Khi xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất hoặc sử dụng công trình kiến trúc đã có để xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám, xác định hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Khi lập kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám, chủ đầu tư phải xin ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông về vị trí đặt trạm, tần số sử dụng của trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 10. Vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám phải lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phê duyệt trước khi đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám đang khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức được giao vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phê duyệt.

4. Tổ chức, cá nhân được giao vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám phải thực hiện đúng quy định về vận hành, bảo trì đảm bảo công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám luôn hoạt động bình thường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế khi xây dựng.

5. Bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bao gồm một hoặc một số hoặc toàn bộ các công việc gồm kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình. Mỗi loại công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám phải có quy trình bảo trì quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám. Quy trình bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám đảm bảo phù hợp và được tích hợp với quy trình vận hành, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phê duyệt.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư xây dựng và vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu tư; đảm bảo quyền lợi của nhà nước và tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Điều 12. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám phải được xác định trong quá trình giao đất, cho thuê đất và giao chủ đầu tư quản lý, khai thác, sử dụng để đảm bảo công trình hoạt động ổn định theo thông số kỹ thuật thiết kế. Đối với những công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám đã được xây dựng và đang hoạt động ổn định trước khi Nghị định này được ban hành thì giữ nguyên hiện trạng.

2. Việc cắm mốc giới để xác định và công bố công khai ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám được xác định trên bản đồ địa chính theo quy định hiện hành.

3. Hành lang bảo vệ của các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám được xác lập với bán kính 150 mét tính từ tâm ăng ten.

4. Bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám không được xây dựng công trình cao tầng, trồng cây lâu năm gây che chắn, đào, đắp và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám;

b) Đối với trạm điều khiển vệ tinh viễn thám và trạm thu dữ liệu viễn thám (trừ trạm thu dữ liệu từ vệ tinh viễn thám địa tĩnh), ngoài hành lang bảo vệ được thiết lập theo khoản 3 Điều này được trồng cây hoặc xây dựng công trình nhưng độ cao phải bảo đảm góc giữa đường nối tâm ăng ten tới điểm cao nhất của cây hoặc công trình và bề mặt ngang qua tâm ăng ten không vượt quá 2° (hai độ);

c) Khi triển khai mới các công trình hạ tầng để sử dụng các hệ thống vô tuyến điện có vùng phủ sóng có khả năng ảnh hưởng tới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám cần bảo đảm không được gây nhiễu có hại cho các trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định và tổ chức bảo vệ cho từng loại công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám phải thực hiện đúng quy định về bảo vệ cho từng loại công trình.

3. Người dân khi phát hiện công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bị phá hoại hoặc hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám bị xâm phạm phải kịp thời thông báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 14. Di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật;

b) Do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai làm mất, hư hỏng và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí;

c) Hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám khác thay thế.

2. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám do phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh kèm theo quyết định phê duyệt dự án có liên quan;

b) Sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan về yêu cầu phải di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám kèm theo quyết định phê duyệt dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có liên quan;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thỏa thuận, lựa chọn địa điểm mới để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.

Điều 15. Thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám

1. Dữ liệu ảnh viễn thám được thu nhận từ các nguồn:

- a) Trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam;
- b) Mua, trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám hàng năm, định kỳ 05 năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai việc thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám từ các trạm thu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Việc mua dữ liệu ảnh viễn thám của nước ngoài (nếu có) bằng nguồn ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong các trường hợp sau:

a) Trạm thu dữ liệu viễn thám ở Việt Nam và cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về chủng loại, số lượng, chất lượng ảnh và thời gian thu nhận;

b) Chưa có trong kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám đã được phê duyệt.

Điều 16. Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám

1. Dữ liệu ảnh viễn thám mức 0 (không) là dữ liệu ảnh viễn thám được thu nhận trực tiếp tại trạm thu dữ liệu viễn thám mà chưa qua bất cứ một quá trình hiệu chỉnh nào.

2. Dữ liệu ảnh viễn thám thô là dữ liệu ảnh viễn thám mức 0 (không) được xử lý sơ bộ, nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu và tín hiệu nhiễu do ảnh hưởng của khí quyển.

3. Dữ liệu ảnh viễn thám mức 0 (không) được thu nhận tại trạm thu dữ liệu viễn thám ở Việt Nam phải được đánh giá chất lượng trước khi xử lý. Dữ liệu ảnh viễn thám mức 0 (không) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phải được xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh viễn thám thô.

Chương III CƠ SỞ DỮ LIỆU ẢNH VIỄN THÁM

Điều 17. Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia là tập hợp dữ liệu ảnh viễn thám được thu nhận tại trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia, dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nguồn ngân sách nhà nước, siêu dữ liệu viễn thám tập hợp từ các bộ,

cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và sản phẩm viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống.

2. Cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia phải được cập nhật thường xuyên để cung cấp cho người sử dụng. Trong đó, dữ liệu ảnh viễn thám có độ phân giải cao được cập nhật hàng năm, dữ liệu ảnh viễn thám có độ phân giải siêu cao được cập nhật 05 năm một lần phủ trùm lãnh thổ Việt Nam.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- a) Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia;
- b) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia;
- c) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia;
- d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao;
- đ) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng và bảo mật bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thu thập, cập nhật, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý để xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

5. Siêu dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám được tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật đã được ban hành.

Điều 18. Công bố siêu dữ liệu viễn thám và tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia định kỳ hàng năm

- a) Nội dung báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia định kỳ hàng năm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, tổng hợp và tổ chức công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;
- c) Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được công bố định kỳ bằng văn bản và đăng trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và kết nối với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam.

2. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

a) Nội dung công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố siêu dữ liệu viễn thám do mình quản lý;

c) Siêu dữ liệu viễn thám được công bố thường xuyên trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh) thì việc công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được tạm hoãn.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo việc tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của bộ, trong đó phải nêu rõ lý do của việc tạm hoãn.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

Chương IV

LƯU TRỮ, CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU ẢNH VIỄN THÁM, SẢN PHẨM VIỄN THÁM

Điều 19. Danh mục thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám

1. Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.
2. Dữ liệu ảnh viễn thám.
3. Siêu dữ liệu viễn thám.
4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.
5. Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát bằng công nghệ viễn thám.
6. Thông tin dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực viễn thám.
7. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về viễn thám.
8. Văn bản quy phạm pháp luật về viễn thám.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về viễn thám.
10. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án; thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Giao nộp và lưu trữ thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám

1. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp để lưu trữ theo quy định. Danh mục thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám giao nộp theo quy định của dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao nộp để lưu trữ tại Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành.

3. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đồng thời cung cấp danh mục dữ liệu sản phẩm đã giao nộp cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

4. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nộp cho cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đồng thời cung cấp danh mục dữ liệu sản phẩm đã giao nộp cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

5. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám giao nộp để lưu trữ phải được kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao.

7. Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

8. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

Điều 21. Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám qua Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu viễn thám của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thông qua phiếu yêu cầu.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám qua Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu để sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

Điều 23. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám theo hình thức phiếu yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám hiện có, lập phiếu yêu cầu (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám tiếp nhận kiểm tra phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám cho các tổ chức, cá nhân.

2. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám;

b) Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám cần cung cấp;

c) Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám;

d) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám và phương thức nhận kết quả.

3. Khi yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi bí mật, thì phiếu yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận.

4. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu.

5. Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì phiếu yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám

1. Không được chuyển thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám thuộc sở hữu Nhà nước phải trả phí theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám về những sai sót của thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám đã cung cấp.

5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám của mình.

Điều 25. Cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám cho tổ chức, cá nhân trong nước

1. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám là tài sản công được cung cấp, khai thác, sử dụng dưới dạng bản sao hoặc dưới dạng xuất bản phần mềm điện tử. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám có trách nhiệm về nguồn gốc của bản sao.

2. Thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám được ưu tiên cung cấp theo yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tìm kiếm cứu nạn.

3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám do mình cung cấp.

Điều 26. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám

1. Việc xây dựng, công bố, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của lĩnh vực viễn thám được thực hiện theo quy định về pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với xu hướng phát triển công nghiệp.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về viễn thám gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thám gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định trước khi ban hành.

3. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám:

a) Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám được thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm viễn thám trong sản xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của lĩnh vực viễn thám và thiết kế kỹ thuật được phê duyệt;

c) Sản phẩm viễn thám sản xuất trong nước, nhập khẩu lưu thông trên thị trường phải bảo đảm chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật của lĩnh vực viễn thám và quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về kết quả giám sát, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu sản phẩm viễn thám;

đ) Tổ chức, cá nhân phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy về sản phẩm viễn thám do mình tạo ra;

e) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế kỹ thuật của lĩnh vực viễn thám, quy chế phối hợp liên ngành về khai thác sử dụng dữ liệu viễn thám.

3. Thẩm định về nội dung liên quan đến hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; ứng dụng và phát triển công nghệ viễn thám đối với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương.

4. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

5. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực viễn thám.

7. Chủ trì và phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thám.

8. Tổng hợp và công bố siêu dữ liệu viễn thám của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

9. Tổng hợp nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao để xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.

10. Chủ trì tổ chức triển khai việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

11. Xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ.

12. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám theo thẩm quyền.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan

1. Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý.

2. Thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

3. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý; báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

6. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Chịu trách nhiệm bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

8. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý.

2. Bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hàng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

4. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

5. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương; cung cấp bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

7. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

8. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 30. Báo cáo về hoạt động viễn thám

1. Đối tượng lập báo cáo hàng năm về hoạt động viễn thám gồm bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hoạt động viễn thám.

2. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử có chữ ký số của người có thẩm quyền hoặc văn bản giấy do người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

4. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động viễn thám

a) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động viễn thám gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

b) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Viễn thám quốc gia trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

d) Cục Viễn thám quốc gia lập báo cáo về hoạt động viễn thám trên phạm vi cả nước trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký, gửi Chính phủ trong thời hạn 45 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động viễn thám theo yêu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động viễn thám của mình.

Điều 31. Quản lý các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám

Cơ quan, tổ chức thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm và đột xuất trên cơ sở dự án được lập theo các quy định hiện hành phải báo cáo kết quả thực hiện khi kết thúc cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám.

Chương VI

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). XH 205



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP
ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám
Mẫu số 02	Mẫu phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám
Mẫu số 03	Mẫu phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám đối với cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.... năm.....

BÁO CÁO CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM
_____**Mở đầu****I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH DỮ LIỆU VIỄN THÁM ĐẾN THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ**

1. Tổng số lượng cảnh ảnh/bình đồ ảnh viễn thám (kèm sơ đồ).
2. Số lượng cơ quan, tổ chức giao nộp siêu dữ liệu viễn thám.

II. HƯỚNG DẪN VỀ TÌM KIẾM SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM**III. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA DỮ LIỆU VIỄN THÁM****IV. TÌNH HÌNH KHAI THÁC SỬ DỤNG SIÊU VIỄN THÁM****Kết luận và kiến nghị***Nơi nhận:*- ...
- ...**THỦ TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

Kính gửi:

1. Tên cơ quan, tổ chức (nếu có):.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
4. Tên cá nhân yêu cầu thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám:..... Số điện thoại:..... Email:.....
5. Số CMTND/Thẻ căn cước, ngày cấp, nơi cấp:
6. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám yêu cầu cung cấp:

Loại dữ liệu ảnh viễn thám	Mức độ xử lý	Độ phân giải	Thời gian chụp ảnh	Khu vực yêu cầu	Số lượng

7. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám:.....
.....
 8. Nguồn kinh phí dự kiến:.....
- Sơ đồ hoặc tọa độ khu vực yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám: (gửi kèm theo phiếu yêu cầu)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám:.....
2. Nơi đang làm việc, học tập:.....
3. Quốc tịch, số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:.....
4. Số điện thoại, fax, e-mail:.....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám yêu cầu cung cấp:.....

Loại dữ liệu ảnh viễn thám	Mức độ xử lý	Độ phân giải	Thời gian chụp ảnh	Khu vực yêu cầu	Số lượng

6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám:.....

7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện ...):

Sơ đồ hoặc tọa độ khu vực yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám: (gửi kèm theo phiếu yêu cầu).

Tôi cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)